

Nhận thức của sinh viên cử nhân điều dưỡng về môi trường học tập tại Việt Nam

Nguyễn Thị Hoa Huyền¹, Bùi Thị Hiền^{1*}, Hoàng Lan Vân¹, Hoàng Thị Huệ², Phan Hồng Anh¹

(1) Viện Khoa học Sức khỏe, Trường Đại học VinUni

(2) Khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

Tóm tắt

Mục tiêu: Tìm hiểu nhận thức của sinh viên Cử nhân Điều dưỡng về môi trường học tập và xác định các yếu tố liên quan. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được tiến hành trên 1347 sinh viên Cử nhân Điều dưỡng tại mười trường đại học có đào tạo chuyên ngành Điều dưỡng tại Việt Nam. **Kết quả:** Tổng điểm đánh giá môi trường học tập của sinh viên ở mức tốt chiếm 75,68%, với điểm trung bình đạt $120,75 \pm 20,78$. Ngoài ra, sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính đa biến cho thấy khối lượng học tập càng ít ($\beta = -0,61, p < 0,05$) và kỹ năng sinh viên học được càng nhiều ($\beta = 4,56, p < 0,05$) thì điểm đánh giá về môi trường học tập của họ càng cao. **Kết luận và khuyến nghị:** Để cải thiện môi trường học tập của sinh viên, giảng viên và nhà trường cần quan tâm đến nhóm sinh viên đánh giá khối lượng học tập cao và chưa thu được nhiều kỹ năng trong học tập.

Từ khóa: nhận thức của sinh viên, môi trường học tập, điều dưỡng.

Nursing students' perception regarding educational environment in Vietnam

Nguyen Thi Hoa Huyen¹, Bui Thi Hien^{1*}, Hoang Lan Van¹, Hoang Thi Hue², Phan Hong Anh¹

(1) College of Health Sciences, VinUniversity

(2) Nursing Department, Haiduong Medical Technical University

Abstract

Objectives: To describe nursing students' perceptions regarding their educational environment and identify its related factors. **Subjects and methods:** A descriptive cross-sectional study was conducted among 1347 nursing students in ten nursing schools across Vietnam. **Results:** Almost all nursing students (75.68%) reported their learning environment at a good level, and the mean score of the total DREEM was 120.75 ± 20.78 . The multiple linear regression results indicated that the higher DREEM score was associated with a lower learning workload ($\beta = -0.61, p < 0.05$), and better generic skills ($\beta = 4.56, p < 0.05$). **Conclusion:** To enhance the students' educational environment, nursing schools and faculties should attempt to focus on a group of nursing students who reported a higher workload and less perceived generic skills.

Keywords: nursing students' perceptions, education environment, nurses.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Môi trường học tập là tập hợp toàn bộ các yếu tố xoay quanh việc học của sinh viên bao gồm chương trình học, giảng viên, cơ sở vật chất [1], [2]. Theo tổng quan tài liệu, môi trường học tập có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hài lòng, động lực, kết quả học tập, và các kỹ năng học được của sinh viên [3],[4]. Chính vì vậy, đánh giá môi trường học tập của sinh viên là thước đo hiệu quả và chính xác nhất nhằm điều chỉnh và cải thiện chất lượng chương trình đào tạo.

Cụ thể, xét tại các kỹ năng học được, nó được hiểu là việc sinh viên sử dụng hiệu quả các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, lập kế hoạch và giải quyết vấn đề trong quá trình học. Tuy nhiên,

việc vận dụng các kỹ năng này sẽ phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể tại từng đơn vị đào tạo cũng như sự ứng dụng kiến thức và kỹ năng của từng cá nhân sinh viên [5]. Thêm vào đó, môi trường học tập tăng tính chủ động của sinh viên, phương pháp giảng dạy tích cực, và mức độ hứng thú của sinh viên có mối liên quan đến kỹ năng học được của sinh viên [6, 7]. Ngược lại, những phương pháp học tập truyền thống như nghe giảng lý thuyết thụ động và làm việc cá nhân không giúp sinh viên phát triển các kỹ năng nêu trên [6]. Ngoài ra, khối lượng học tập, bao gồm khối lượng kiến thức, áp lực thi cử và thời gian hoàn thành bài tập, cũng là yếu tố chịu ảnh hưởng trực tiếp do môi trường học tập tạo nên [8]. Thực tế cho

Tác giả liên hệ: Bùi Thị Hiền, email: hien.bt6@vinuni.edu.vn

Ngày nhận bài: 15/6/2023; Ngày đồng ý đăng: 13/9/2023; Ngày xuất bản: 25/9/2023

DOI: 10.34071/jmp.2023.5.4

thấy, sinh viên thường áp dụng phương pháp học lướt khi khối lượng học tập của sinh viên lớn; trong khi đó phương pháp học tập có chiến lược thường được quan sát thấy khi môi trường học tập chủ động và tạo động lực học tập cho sinh viên [9].

Ngày nay, đổi mới hệ thống giáo dục đào tạo đang là xu thế mang tính toàn cầu và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Theo nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020 đã đưa ra giải pháp là triển khai đổi mới phương pháp đào tạo theo tiêu chí trang bị cách học, phát huy tính chủ động của người học [10]. Hơn nữa, trong lĩnh vực đào tạo điều dưỡng, xuất phát từ nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người bệnh tăng lên đã càng cho thấy rõ ràng hơn nhu cầu cần đổi mới trong việc giảng dạy, đào tạo tại nhà trường để đảm bảo cung cấp đội ngũ điều dưỡng viên có trình độ chuyên môn cao sau khi ra trường. Vậy nên, hiện nay, chương trình đào tạo điều dưỡng tại các cơ sở giáo dục đã được hướng dẫn đi theo Chuẩn năng lực Điều dưỡng Việt Nam do Bộ Y tế ban hành để đáp ứng yêu cầu hội nhập này [11].

Tuy nhiên, việc áp dụng cải cách đã đặt ra những thách thức mới cho sinh viên khi có sự thay đổi trong môi trường học tập. Nghiên cứu trước đó cho thấy các vấn đề liên quan đến sức khỏe tinh thần bao gồm lo lắng, căng thẳng ngày càng trở lên rõ ràng hơn trên đối tượng sinh viên Cử nhân Điều dưỡng [12]. Một số đơn vị đào tạo cũng đã đề xuất biện pháp như áp dụng hình thức thi viết đối với một số cấu phần lâm sàng nhằm giảm thiểu khối lượng học tập cũng như mức độ căng thẳng trong quá trình học tập cho sinh viên [12]. Đặc biệt, trong giai đoạn dịch COVID bùng nổ, việc thay đổi môi trường học tập sang môi trường học trực tuyến cũng là một trong các nguyên nhân chính ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý của sinh viên [13]. Những hạn chế của việc học trực tuyến như năng lực sử dụng công nghệ để giảng dạy của giảng viên, giao tiếp giữa người học - người dạy, vấn đề kỹ thuật - kết nối mạng đã làm cho một số sinh viên cảm thấy không thoải mái, dẫn đến sự thất vọng và không tập trung vào bài giảng [14]... Trong khi các nghiên cứu đánh giá về môi trường học tập của sinh viên Cử nhân Điều dưỡng còn hạn chế, các nghiên cứu trước đó phần lớn tập trung vào đánh giá môi trường học tập lâm sàng của sinh viên [15], [16]. Vì vậy, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này với mục tiêu tìm hiểu nhận thức của sinh viên cử nhân điều dưỡng về môi trường học tập và xác định các yếu tố liên quan tại một số trường đại học có đào tạo chương trình Cử nhân Điều dưỡng tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp bằng chứng cho giảng

viên và nhà trường về cảm nhận của sinh viên về môi trường học tập, từ đó có những điều chỉnh thích hợp trong chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy và cung cấp những hỗ trợ phù hợp tới sinh viên.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: nghiên cứu được tiến hành trên 1347 sinh viên Cử nhân Điều dưỡng tại mười trường đại học có đào tạo chuyên ngành Điều dưỡng tại Việt Nam.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang

Thời gian thu thập số liệu: từ tháng 10/2021- tháng 1/2022.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu: nghiên cứu chọn mẫu thuận tiện, lựa chọn toàn bộ sinh viên Cử nhân Điều dưỡng hệ đào tạo chính quy, đang theo học tại một trong mười cơ sở đào tạo nghiên cứu tiến hành khảo sát và đồng ý trả lời câu hỏi khảo sát. Cụ thể, mười trường tham gia vào nghiên cứu bao gồm cả hệ thống trường đại học công lập và tư nhân (06 trường tại miền Bắc, 01 trường tại miền Trung, và 03 trường tại miền Nam). Trong thời gian tiến hành nghiên cứu, đã có 1347 sinh viên tham gia.

Công cụ nghiên cứu: bộ câu hỏi nghiên cứu gồm 3 phần.

Phần (1) bao gồm các thông tin chung của sinh viên.

Phần (2) đánh giá khối lượng học tập của sinh viên và các kỹ năng sinh viên đã học được. Để khảo sát hai khía cạnh này, nghiên cứu sử dụng thang đo "Appropriate Workload Scale" (5 câu hỏi) và "Generic Skills Scale" (6 câu hỏi) thuộc bộ câu hỏi đánh giá của sinh viên về khóa học [17]. Bộ câu hỏi này đã được sử dụng tại khá nhiều nghiên cứu trước đó [18], [19] với thang đo Likert 5 mức độ từ 1 (rất không đồng ý) và 5 (rất đồng ý). Hai thang đo này đã được chúng tôi kiểm định độ tin cậy trước khi tiến hành thu thập số liệu, với giá trị Cronbach Alpha cho khía cạnh kỹ năng học được và khối lượng học tập của sinh viên lần lượt là 0,94 và 0,72. Điểm trung bình mỗi câu của tổng điểm các thang đo được sử dụng để đánh giá cảm nhận của sinh viên về kỹ năng sinh viên đã học được (1 - 5 điểm) và khối lượng học tập (1 - 5 điểm) của họ. Điểm càng cao chứng tỏ sinh viên đánh giá càng tốt về các kỹ năng học được cũng như khối lượng học tập của sinh viên càng nhiều.

Phần (3) khảo sát môi trường học tập của sinh viên. Nghiên cứu sử dụng thang đo DREEM được phát triển bởi Roff và cộng sự năm 1997 [20] với bản dịch tiếng Việt của tác giả Hoàng Lan Vân [21]. Bộ câu hỏi gồm 50 câu đánh giá theo thang điểm Likert 5 mức độ từ 0-Rất không đồng ý đến 4- Rất đồng ý

nhằm khảo sát môi trường học tập của sinh viên tại 5 khía cạnh: quan điểm của sinh viên về phương pháp giảng dạy, giảng viên, việc học của bản thân, không khí học và môi trường xã hội. Bộ câu hỏi đã được chúng tôi kiểm định độ tin cậy trên 102 sinh viên tại một trường đại học với giá trị Cronbach Alpha trên tổng thang đo và các khía cạnh đều trên 0,7. Tổng điểm thang đo được sử dụng để đánh giá nhận thức của sinh viên về môi trường học tập với các mức độ kém (0 - 50 điểm), còn vấn đề (51 - 100 điểm), tốt (101 - 150) và lý tưởng (151 - 200) [22].

Phương pháp thu thập thông tin: nghiên cứu được tiến hành nhờ sự hỗ trợ của giảng viên điều dưỡng tại các cơ sở đào tạo. Cụ thể, biểu mẫu khảo sát sẽ được gửi dưới dạng Google Form đến các nhóm điều dưỡng trong trường. Sinh viên sau khi đọc các thông tin chung về nghiên cứu, trả lời các câu hỏi về tiêu chuẩn chọn mẫu, nếu sinh viên đủ điều kiện tham gia nghiên cứu sẽ được hướng dẫn đến đường link trả lời các câu hỏi khảo sát. Chúng tôi cũng cài đặt biểu mẫu để đảm bảo mỗi tài khoản đăng nhập sẽ chỉ trả lời bộ câu hỏi được một lần. Việc sinh viên hoàn thành bộ câu hỏi đồng nghĩa với việc sinh viên đồng ý tham gia nghiên cứu.

Phương pháp xử lý số liệu: số liệu sau khi thu thập được kiểm tra, làm sạch và xử lý số liệu bằng phần mềm thống kê y học Stata 16.1. Phân tích thống kê mô tả được sử dụng để khảo sát đặc điểm

của đối tượng tham gia nghiên cứu. Ngoài ra, các biến độc lập có mối tương quan có ý nghĩa thống kê đến điểm đánh giá môi trường học tập của sinh viên được đưa vào mô hình hồi quy tuyến tính đa biến để xác định mối liên quan. Các giả định của mô hình hồi quy tuyến tính đa biến cũng được kiểm định nhằm đánh giá sự phù hợp của các biến khi đưa vào trong mô hình.

Đạo đức nghiên cứu: đề cương nghiên cứu được thông qua bởi hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec - Trường Đại học VinUni.

3. KẾT QUẢ

3.1. Đặc điểm của đối tượng tham gia nghiên cứu

Trong thời gian tiến hành nghiên cứu có 1347 sinh viên Cử nhân Điều dưỡng tham gia khảo sát. Phần lớn sinh viên đang theo học tại các trường công lập (76,54 %) và là nữ giới (89,76%). Sinh viên năm thứ 2 (N = 393) tham gia khảo sát chiếm tỷ lệ đông nhất (29,18%), sau đó là sinh viên năm thứ 4 (26,80%), năm thứ 3 (25,615), và thứ nhất (17,07%). Chỉ có 18 sinh viên (1,34%) năm thứ 5, chương trình Cử nhân Điều dưỡng hệ tiên tiến, tham gia khảo sát.

Xét đến các yếu tố liên quan đến việc học của sinh viên, có 714 sinh viên (53,32%) đã đi thực tập lâm sàng và 543 sinh viên (50,89%) đã từng học online trước khi có dịch COVID-19 bùng phát.

3.2. Đánh giá khối lượng học tập và các kỹ năng đã học được của sinh viên Cử nhân Điều dưỡng

Bảng 1. Đánh giá khối lượng học tập và các kỹ năng học được của sinh viên (n=1347)

Biến số	Trung bình (Độ lệch chuẩn)	Khoảng điểm
KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP	3,23 (0,58)	1 - 5
Khối lượng học tập quá nặng	3,44 (0,85)	1 - 5
Áp lực học tập lên sinh viên rất lớn	3,53 (0,89)	1 - 5
Khối lượng công việc lớn cần phải hoàn thành trong khóa học này khiến tôi không thể hiểu hết mọi thứ một cách rõ ràng	3,47 (0,88)	1 - 5
Nhìn chung, chúng tôi được cho đủ thời gian để hiểu những nội dung cần phải học	2,55 (0,79)	1 - 5
Tôi thấy giáo trình bao gồm quá nhiều chủ đề	3,25 (0,87)	1 - 5
TỔNG ĐIỂM CÁC KỸ NĂNG HỌC ĐƯỢC	3,84 (0,56)	1 - 5
Khoá học này đã giúp tôi cảm thấy tự tin hơn trong việc giải quyết những vấn đề mới lạ	3,81 (0,65)	1 - 5
Khoá học này đã giúp tôi phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề	3,86 (0,61)	1 - 5
Khoá học này đã trau chuốt kỹ năng phân tích của tôi	3,82 (0,64)	1 - 5
Khoá học này đã cải thiện kỹ năng giao tiếp của tôi	3,83 (0,64)	1 - 5
Khoá học này đã giúp tôi phát triển khả năng lập kế hoạch công việc của mình	3,85 (0,62)	1 - 5
Khoá học này đã giúp tôi phát triển khả năng làm việc nhóm	3,91 (0,66)	1 - 5

Kết quả cho thấy điểm trung bình mỗi câu trong thang đánh giá khối lượng học tập của sinh viên Cử nhân Điều dưỡng là khá lớn, ở ngưỡng trên mức trung bình ($3,23 \pm 0,58$), (bảng 1); trong đó, đánh giá “áp lực học tập lên sinh viên rất lớn” có điểm số lớn nhất đạt $3,53 \pm 0,89$. Xét về đánh giá kỹ năng đã học được, điểm trung bình mỗi câu trong thang đo là $3,84 \pm 0,56$ điểm, trong đó phần đánh giá “khóa học đã giúp phát triển khả năng làm việc nhóm” đạt điểm cao nhất với điểm trung bình là $3,91 \pm 0,66$ điểm.

3.3. Đánh giá môi trường học tập của sinh viên Cử nhân Điều dưỡng

Bảng 2. Đánh giá môi trường học tập của sinh viên Cử nhân Điều dưỡng (n = 1347)

Biến số	Trung bình (Độ lệch chuẩn)	Khoảng điểm
TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ	120,75 (20,78)	33 - 191
Đánh giá của sinh viên về phương pháp giảng dạy	29,52 (5,31)	8 - 46
Đánh giá của sinh viên về giảng viên	26,73 (5,06)	9 - 41
Đánh giá của sinh viên về việc học của bản thân	21,88 (3,69)	0 - 32
Đánh giá của sinh viên về không khí học	26,37 (5,63)	2 - 45
Đánh giá của sinh viên về môi trường xã hội	16,26 (3,22)	4 - 27

Tại bảng 2, chủ yếu sinh viên đánh giá môi trường học tập ở mức tốt, chiếm 75,68 %, với điểm trung bình đạt $120,75 \pm 20,78$ điểm. Chỉ có 0,3% sinh viên (N = 4) và 14,92% sinh viên (N = 201) đánh giá môi trường học tập ở ngưỡng kém và còn vấn đề. Cụ thể, khía cạnh nhận thức về việc học của bản thân được sinh viên đánh giá cao nhất với điểm trung bình là $2,74 \pm 0,46$ và khía cạnh không khí học có điểm đánh giá thấp ($2,20 \pm 0,47$).

3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường học tập của sinh viên Cử nhân Điều dưỡng

Bảng 3. Mô hình hồi quy tuyến tính đa biến giữa điểm đánh giá môi trường học tập và các yếu tố liên quan (n = 1197)

Yếu tố		β	S. E	t	p	95% CI
Constant		26,53	3,79	7,02	0,00	19,10; 33,96
Giới tính	Nữ	ref.	ref.	ref.	ref.	ref.
	Nam	1,55	1,30	1,19	0,23	-1,0; 4,11
Trình độ hiện tại của sinh viên	Năm thứ nhất	ref.	ref.	ref.	ref.	ref.
	Năm thứ hai	-1,24	1,23	-1,02	0,31	-3,62; 1,15
	Năm thứ ba	-2,00	1,30	-1,54	0,12	-4,55; 0,55
	Năm thứ tư	-2,10	1,44	-1,46	0,15	-4,93; 0,73
	Năm thứ năm	-6,68	3,46	-1,93	0,054	-13,46; -0,10
Đi lâm sàng	Chưa đi lâm sàng	ref.	ref.	ref.	ref.	ref.
	Đã đi lâm sàng	-1,37	1,02	-1,35	0,18	-3,38- 0,63
Đánh giá khối lượng học tập		-0,61	0,13	-4,50	0,00	-0,87; -0,34
Đánh giá kỹ năng đã học được		4,56	0,12	39,32	0,00	4,33; 4,79

*Adjusted $R^2 = 0,58$; $F = 211,20$; $df = 8$; $p < 0,001$

Kết quả tại bảng 3 cho thấy, các biến đưa vào mô hình giải thích được 58,44% sự biến thiên của điểm đánh giá môi trường học tập. Khối lượng học tập ($\beta = -0,61$, $p < 0,05$), kỹ năng sinh viên đã học được ($\beta = 4,56$, $p < 0,05$) là những yếu tố ảnh hưởng đến điểm đánh giá môi trường học tập của sinh viên.

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên đánh giá khối lượng học tập là khá nặng và đánh giá cao về các kỹ năng đã học được tại trường. Tuy nhiên, nghiên cứu khác tại Anh, trên 2177 sinh viên tại các ngành học khác nhau, cũng trải nghiệm hình thức học trực

tuyến và đánh giá trên cùng bộ câu hỏi, cho thấy khối lượng học tập của sinh viên thấp hơn có ý nghĩa thống kê so với nghiên cứu của chúng tôi ($3,08 \pm 1,09$). Và nhìn chung, sinh viên đánh giá tích cực về các kỹ năng đã học được với giá trị trung bình mỗi câu trong thang đo là $3,23 \pm 0,83$ điểm [19]. Đối với sinh viên

Cử nhân Điều dưỡng tại Việt Nam, hình thức học trực tuyến còn khá mới, nó được xem là hình thức học thay thế và bắt buộc cần áp dụng khi dịch COVID-19 bùng phát. Việc thay đổi hình thức học như vậy đòi hỏi phải có thời gian để sinh viên làm quen dần. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu trên cũng đã gợi ý rằng giảng viên và nhà trường cần cân nhắc trong phân bổ khối lượng học tập giữa các năm, học kỳ, đồng thời hướng dẫn sinh viên Điều dưỡng các phương pháp học tập hiệu quả nhằm hỗ trợ sinh viên giảm bớt áp lực, khối lượng học tập trong mỗi gian đoạn của chương trình học, đặc biệt trong giai đoạn đại dịch COVID-19 hay các thảm họa khác xảy ra.

Thang đo DREEM là công cụ được sử dụng khá rộng rãi trên toàn thế giới để đánh giá môi trường học tập của sinh viên. Mục tiêu nghiên cứu của chúng tôi nhằm tìm hiểu đánh giá của sinh viên về môi trường học tập của họ tại mười trường đại học có đào tạo chương trình Điều dưỡng tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên cử nhân điều dưỡng đánh giá môi trường học tập của họ ở mức tốt, với tổng điểm thang đo DREEM là $120,75 \pm 20,78$, điều này tương đồng với hầu hết các nghiên cứu khác trên thế giới khi sử dụng thang đo này để đánh giá trên đối tượng sinh viên khối ngành khoa học sức khỏe [23]. Tuy nhiên, nhóm sinh viên cử nhân điều dưỡng trong nghiên cứu của chúng tôi kém hài lòng về môi trường học tập hơn khi so sánh với nhóm sinh viên điều dưỡng tại Singapore (131,2/200) [24] và Trung Quốc (132,48/200) [25]. Điều này có thể được lý giải do nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện trong giai đoạn dịch COVID-19 bùng nổ, việc học trực tuyến đã gây ra một số vấn đề cho người học như giảm tương tác giữa giảng viên- người học, kỹ năng sử dụng công nghệ, điều này đã làm cho sinh viên cảm thấy căng thẳng [14] và có thể là nguyên nhân dẫn đến khía cạnh không khí học tập trong nghiên cứu đạt điểm thấp nhất ($2,20 \pm 0,47$).

Ngoài ra, nghiên cứu của chúng tôi cho thấy khối lượng học tập của họ càng ít và kỹ năng sinh viên học được càng nhiều thì điểm đánh giá về môi trường

học tập của họ càng cao. Tương tự, nghiên cứu của Sun và Zhao (2003) khi khảo sát về môi trường học tập trên 885 sinh viên y khoa tại Trung Quốc cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong điểm đánh giá về môi trường học tập giữa các nhóm kết quả học tập cao (123/200), trung bình (118/200) và thấp (113/200) [26]. Điều này càng làm rõ hơn vai trò của môi trường học tập trong việc tác động đến kết quả học tập của sinh viên tại trường. Từ đó, khuyến khích, để cải thiện môi trường học tập của sinh viên, giảng viên và nhà trường cần quan tâm đến nhóm sinh viên đánh giá khối lượng học tập cao và chưa thu được nhiều kỹ năng trong học tập.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các yếu tố nhân khẩu học không là yếu tố ảnh hưởng đến điểm đánh giá môi trường học tập ($p > 0,05$). Tương tự, các nghiên cứu khác cũng chỉ ra không có sự khác biệt trong việc đánh giá môi trường học tập giữa nhóm nam và nữ [26] hay giữa sinh viên các năm học khác nhau [27]. Tuy nhiên, nghiên cứu của chúng tôi chưa khảo sát các yếu tố liên quan đến môi trường học của sinh viên khi dịch COVID-19 xảy ra như việc học trực tuyến, sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần của sinh viên, do đó, chưa tìm hiểu được tổng thể tất cả các yếu tố ảnh hưởng đến đánh giá của sinh viên môi trường học tập của sinh viên trong giai đoạn này.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy phần lớn sinh viên đánh giá môi trường học tập ở mức tốt chiếm 75,68%. Tuy nhiên, sinh viên cũng đánh giá khối lượng học tập còn khá nặng và đánh giá cao các kỹ năng sinh viên đã học được tại nhà trường. Kết quả phân tích cho thấy, khối lượng học tập và kỹ năng học được là những yếu tố ảnh hưởng đến điểm đánh giá môi trường học tập của sinh viên.

Từ kết quả trên chúng tôi khuyến nghị: để cải thiện môi trường học tập của sinh viên, giảng viên và nhà trường cần quan tâm đến nhóm sinh viên đánh giá khối lượng học tập cao và chưa thu được nhiều kỹ năng trong học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Roff S, McAleer S. What is educational climate? Medical teacher. 2001;23(4):333-4.
2. Genn J. AMEE Medical Education Guide No. 23 (Part 2): Curriculum, environment, climate, quality and change in medical education—a unifying perspective. Medical teacher. 2001;23(5):445-54.
3. Lizzio A, Wilson K, Simons R. University students' perceptions of the learning environment and academic

outcomes: implications for theory and practice. Studies in Higher education. 2002;27(1):27-52.

4. Bakhshialiabad H, Bakhshi M, Hassanshahi G. Students' perceptions of the academic learning environment in seven medical sciences courses based on DREEM. Advances in medical education and practice. 2015:195-203.

5. Bowman K. Background paper for the AQF Council

on generic skills. 2010.

6. Virtanen A, Tynjälä P. Factors explaining the learning of generic skills: a study of university students' experiences. *Teaching in Higher Education*. 2018.

7. Grande RAN, Berdida DJE, Susanto T, Khan A, Waelveerakup W, Saad Z. Nursing competency inventory and professional competence of graduating students in six Asian countries: A cross-sectional study. *Nurse Education Today*. 2022;116:105470.

8. Cho HJ, Melloch MR, Levesque-Bristol C. Enhanced student perceptions of learning and performance using concept-point-recovery teaching sessions: a mixed-method approach. *International Journal of STEM Education*. 2021;8:1-17.

9. Kyndt E, Dochy F, Struyven K, Cascallar E. The perception of workload and task complexity and its influence on students' approaches to learning: A study in higher education. *European journal of psychology of education*. 2011;26:393-415.

10. Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/ 11/ 2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020.

11. Tế BY. Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số: 1352/QĐ-BYT ngày 21 tháng 4 năm 2012 của Bộ Y tế). 2012.

12. Vignato JA, Limoges NG, Arends L, Nicholson A. Decreasing nursing student workload and stress: an innovative method to reform clinical assignments across the curriculum. *Nursing Education Perspectives*. 2021;42(6):E91-E2.

13. Therisa Beena KK, Sony M. Student workload assessment for online learning: An empirical analysis during Covid-19. *Cogent Engineering*. 2022;9(1):2010509.

14. Dhawan S. Online learning: A panacea in the time of COVID-19 crisis. *Journal of educational technology systems*. 2020;49(1):5-22.

15. Hosoda Y. Development and testing of a Clinical Learning Environment Diagnostic Inventory for baccalaureate nursing students. *Journal of advanced nursing*. 2006;56(5):480-90.

16. Saarikoski M, Warne T. Clinical learning environment and supervision: testing a research instrument in an international comparative study. *Nurse education today*. 2002;22(4):340-9.

17. Wilson KL, Lizzio A, Ramsden P. The development, validation and application of the Course Experience Questionnaire. *Studies in higher education*. 1997;22(1):33-53.

18. Liu JC, John KS, Courtier AMB. Development and validation of an assessment instrument for course experience in a general education integrated science course. *Journal of Geoscience Education*. 2017;65(4):435-54.

19. Richardson JT. Students' perceptions of academic quality and approaches to studying in distance education. *British Educational Research Journal*. 2005;31(1):7-27.

20. Miles S, Swift L, Leinster SJ. The Dundee Ready Education Environment Measure (DREEM): a review of its adoption and use. *Medical teacher*. 2012;34(9):e620-e34.

21. Van HL. Translation, adaption and content validation of the DREEM instrument: a Vietnamese Nursing Education Pilot Project. Masters Dissertation, Queensland University of Technology: Australia. 2013.

22. McAleer S, Roff S. A practical guide to using the Dundee Ready Education Environment Measure (DREEM). *AMEE medical education guide*. 2001;23(5):29-33.

23. Chan CYW, Sum MY, Tan GMY, Tor P-C, Sim K. Adoption and correlates of the Dundee Ready Educational Environment Measure (DREEM) in the evaluation of undergraduate learning environments—a systematic review. *Medical teacher*. 2018;40(12):1240-7.

24. O'Brien AP, Chan TMF, Cho MAA. Investigating nursing students' perceptions of the changes in a nursing curriculum by means of the Dundee Ready Education Environment Measure (DREEM) inventory: results of a cluster analysis. *International journal of nursing education scholarship*. 2008;5(1).

25. Wang J, Zang S, Shan T. Dundee ready education environment measure: psychometric testing with Chinese nursing students. *Journal of advanced nursing*. 2009;65(12):2701-9.

26. Sun B. Reforming medical curricula in China Medical University: Masters dissertation, Dundee, UK: University of Dundee; 2003.

27. Barcelo JM. Medical laboratory science and nursing students' perception of the academic learning environment at a Philippine university using the Dundee Ready Education Environment Measure. *J Educ Eval Health Prof*. 2016;13(33):1-7.